

Bản án số: 63/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 04-03-2026

“V/v ly hôn, yêu cầu nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Danh Thị Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Nhật Trường

Ông Danh Quý

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – An Giang tham gia phiên tòa: ông Võ Hoàng Hạng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 03 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 407/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2025 về “Ly hôn, yêu cầu nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 50/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2026 giữa:

Nguyên đơn: bà Lê Ngọc Hà Q, sinh ngày: 06/2/1988 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp V, xã V, tỉnh A.

Bị đơn: ông Đoàn Minh Q1, sinh ngày: 20/10/1988 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp V, xã V, tỉnh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 27/10/2025, bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn bà Lê Ngọc Hà Q như sau:

Năm 2010 bà Q và ông Q1 quen biết, tìm hiểu nhau được thời gian ngắn thì hai người quyết định tự nguyện kết hôn với nhau, ông bà có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, [HYPERLINK \l "link"o "huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre"huyện C, tỉnh B](#) số 08/2013 ngày 26/02/2013. Sau khi cưới, ông bà sống hạnh phúc được 04 năm thì bắt đầu mâu thuẫn nguyên nhân là do ông Q1 đi làm xa, không chăm

lo cho vợ con, để bà Q tự nuôi con, thậm chí bà Q còn phát hiện ông Q1 không chung thủy, ông Q1 có quen người phụ nữ khác bên ngoài và ông Q1 đi làm không về nhà nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2024 đến nay. Trong thời gian ly thân, bà Q và ông Q1 không có gặp nhau nên bà Q xét thấy không thể hàn gắn hôn nhân được nữa vì bà và ông Q1 đã không còn tình cảm với nhau nên bà quyết định ly hôn với ông Q1.

Bà Q trình bày trong quá trình sống chung với ông Q1, ông bà có một người con chung tên Đoàn Lê Khánh N, sinh ngày 30/9/2012. Con chung do bà Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc từ khi vợ chồng ly thân đến nay. Bà Q xác định bà và ông Q1 không có tài sản chung và cũng không có nợ chung.

Tại phiên tòa, bà Lê Ngọc Hà Q yêu cầu Tòa án giải quyết về hôn nhân bà Q yêu cầu được ly hôn với ông Đoàn Minh Q1. Về con chung bà Q yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục Đoàn Lê Khánh N, sinh ngày 30/9/2012 và bà Q không yêu cầu ông Q1 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có nên bà Q không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, bà Q không trình bày hay yêu cầu gì thêm.

* Đối với bị đơn ông Đoàn Minh Q1 không có mặt tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật nhưng ông Q1 không có mặt cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của ông.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng đều vắng mặt là không tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Tuyên xử về hôn nhân chấp nhận cho bà Lê Ngọc Hà Q được ly hôn với ông Đoàn Minh Q1. Về con chung giao Đoàn Lê Khánh N, sinh ngày 30/9/2012 cho bà Q tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về tài sản chung, nợ chung và về cấp dưỡng nuôi con bà Q không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: bà Q yêu cầu ly hôn với ông Q1 và bà Q yêu cầu nuôi con. Bị đơn là ông Đoàn Minh Q1 có địa chỉ đăng ký thường trú tại ["ấp Vĩnh Hòa 3, xã Vĩnh Hòa Hưng, tỉnh An Giang"](#) "ấp V, xã V, tỉnh A nên Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang xác định quan hệ pháp luật “ly hôn, yêu cầu nuôi con” và thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Đoàn Minh Q1 với tư cách là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng ông Q1 vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: bà Lê Ngọc Hà Q và ông Đoàn Minh Q1 tự quen biết, tìm hiểu được thời gian thì ông bà có tình cảm với nhau và ông bà tự nguyện tổ chức đám cưới và ông bà có đăng ký kết hôn tại đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, ["huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre"](#) huyện C, tỉnh B số 08/2013 ngày 26/02/2013, cho nên theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 sửa đổi, bổ sung năm 2010 thì hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Q là bà có nguyện vọng được ly hôn với ông Q1 lý do ông Q1 đi làm xa, không chăm lo cho vợ con, để bà Q tự nuôi con, thậm chí bà Q còn phát hiện ông Q1 không chung thủy, ông Q1 có quen người phụ nữ khác bên ngoài và ông Q1 đi làm không về nhà nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2024 đến nay. Trong thời gian ly thân, bà Q và ông Q1 không có gặp nhau nên bà Q xét thấy không thể hàn gắn hôn nhân được nữa vì bà và ông Q1 đã không còn tình cảm với nhau nên bà quyết định ly hôn với ông Q1. Tòa án đã tiến hành thông báo mời hòa giải động viên nhằm tạo điều kiện cho hai bên hàn gắn lại hôn nhân nhưng ông Q1 không có mặt nên không thể tiến hành hoà giải được. Tại phiên tòa, bà Q và ông Q1 cũng không gặp và bà Q vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với ông Q1 vì bà không còn tình cảm yêu thương dành cho ông Q1. HĐXX thấy rằng, do trước khi kết hôn ông bà đã không tìm hiểu kỹ tình tính của nhau nên sau thời gian chung sống giữa bà Q và ông Q1 phát sinh nhiều vấn đề không hợp nhau dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng và hai người đã tự ly thân từ tháng 10/2024 đến nay, từ đó không còn duy trì được tình yêu thương dành cho nhau nên dẫn đến tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Q là phù hợp.

[2.3] Về con chung: Bà Q khai trong quá trình sống chung với ông Q1, ông bà có một người con chung tên Đoàn Lê Khánh N, sinh ngày 30/9/2012 và bà Q yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian bà Q và ông Q1 ly thân từ tháng 10/2024 đến nay thì bà Q là người trực tiếp nuôi dưỡng Đoàn Lê Khánh N, sinh ngày 30/9/2012 và cháu N vẫn phát triển bình thường; đồng thời, Đoàn Lê Khánh N cũng có nguyện vọng muốn được tiếp tục sống với mẹ nên Hội đồng xét xử giao Đoàn Lê Khánh N, sinh ngày 30/9/2012 cho bà Q nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với thực tế, đúng với nguyện vọng của con, không trái đạo đức xã hội và đúng quy định pháp luật.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: bà Q không yêu cầu ông Q1 cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[2.5] Về tài sản chung và nợ chung: bà Q xác định vợ chồng bà không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên bà Q không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

[3] Đối với bị đơn ông Đoàn Minh Q1, Tòa án tiến hành thẩm tra, xác minh cho thấy ông Q1 có đăng ký thường trú tại ấp V, xã V, tỉnh A nhưng ông Q1 vắng mặt ở nơi cư trú, không rõ thời điểm trở về và không xác định được địa chỉ nơi cư trú mới. Tòa án căn cứ Điều 175, Điều 177, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng đối với ông Q1 theo quy định nhưng ông Q1 vẫn vắng mặt không có lý do và ông Q1 cũng không gửi bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến và yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Q cho Tòa án nên HĐXX không thể xem xét nguyện vọng của ông.

[4] Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp với quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[5] Về án phí: bằng 300.000 đồng, bà Q phải nộp do bà có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 175, Điều 177, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 sửa đổi, bổ sung năm 2010; Điều 56, 81, 82 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: chấp nhận cho bà Lê Ngọc Hà Q được ly hôn với ông Đoàn Minh Q1.

2. Về con chung: giao Đoàn Lê Khánh N, sinh ngày 30/9/2012 cho bà Lê Ngọc Hà Q nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ông Q1 có quyền có quyền tới lui thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở anh thực hiện quyền này. Ông bà có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung: Miễn xét.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: bà Lê Ngọc Hà Q phải nộp án phí là 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà bà Q đã nộp theo biên lai thu số 0008173 ngày 11/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Như vậy, bà Q đã nộp xong án phí HNST.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án ngày 04/3/2026. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 9, Điều 7, Điều 7a, 7b Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS khu vực 5 – An Giang;
- THADS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Danh Thị Kiều Oanh

